

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Trọng H**, sinh năm 1991; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp Mỹ Hưng, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Bị đơn: Chị **Trần Thị H1**, sinh năm 1994; Địa chỉ nơi cư trú: ấp Mỹ Hưng, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2020. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Trọng H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu anh và chị H1 quyết định chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại ấp Thủ Chánh, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Mặc dù gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn mâu thuẫn, cãi vã. Do không thể tiếp tục chung sống nên từ cuối năm 2014 chị H1 đã về nhà ba mẹ ruột sống và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Nay anh H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Nhã V, sinh ngày 27/11/2014. Hiện con đang sống với chị H1. Anh H yêu cầu giao con cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng và không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị H1 trình bày: Mặc dù chị H1 đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị H1 vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị H1 được.*

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn: Anh Trần Trọng H xin xét xử vắng mặt không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H1 vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

Về thành phần tham gia xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Tòa án lập biên bản nhận đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thụ lý vụ án phân công thẩm phán giải quyết đúng quy định tại Điều 195, Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành thụ lý được định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, việc Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quy định tại Điều 206 đến Điều 211 BLTTDS

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203, Điều 233 BLTTDS  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Nội dung và hình thức đảm bảo quy định tại Điều 220 BLTTDS

Về tổng đạt văn bản tố tụng: Đúng quy định tại Điều 170, Điều 171, Điều 208 BLTTDS

Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát: Đảm bảo đúng quy định tại điều 220 BLTTDS

Về thu thập chứng cứ: Đúng nguyên tắc về việc xác minh, thu thập chứng cứ quy định tại điều 97, 98 BLTTDS

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử thực hiện đúng định pháp luật của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS

Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều Điều 70, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Anh H và chị H1 chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh Trần Trọng H được ly hôn với chị Trần Thị H1

Về con chung: Do con chung hiện đang sống với chị H1, anh H có nguyện vọng giao con cho chị H1 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H giao con chung Trần Ngọc Nhã V, sinh ngày 27/11/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Trần Trọng H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn chị Trần Thị H1 có nơi cư trú tại ấp Thủ Chánh, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Trọng H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Anh Trần Trọng H và chị Trần Thị H1 tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị H1 đã về nhà ba mẹ ruột sống từ năm 2014 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho anh H, chị H1 nhưng chị H1 vắng mặt không lý do còn anh H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, giữa anh H và chị H1 sống ly thân đã lâu, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm nhau nữa và cũng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh H cho anh H được ly hôn với chị H1.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị H1 có 01 con chung tên Trần Ngọc Nhã V, sinh ngày 27/11/2014. Hiện con đang sống cùng chị H1. Anh H có yêu cầu giao con cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh H yêu

cầu giao con cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng và hiện con chung đang sống cùng chị H1 từ khi hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh H giao con chung Trần Ngọc Nhã V, sinh ngày 27/11/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con trong khi chị H1 không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] Về tài sản chung: Không có nên Không xem xét giải quyết

[4.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Trọng H phải chịu là 300.000đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho anh Trần Trọng H được ly hôn với chị Trần Thị H1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Nhã V, sinh ngày 27/11/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: không có

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Trần Trọng H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004144 ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã T –huyện C-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ung Thị Ngọc Thanh**

